

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BA  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST**

**Ngày 27 tháng 8 năm 2020**

**V/v: “Hôn nhân và gia đình”.**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Hồng Tuấn**

**Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Công Ích và bà Vương Thị Thu**

**- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự;

**Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị Kim D** - Sinh năm 1988**

**Nơi cư trú: Khu 5, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ**

**Bị đơn: Anh **Hoàng Văn T** - Sinh năm 1989**

**Nơi thường trú: Xóm 7, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**

**Nơi tạm trú: Thôn X, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa**

***Chị Dung có mặt, anh Trung có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.***

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị Kim D trình bày về nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

- Chị và anh Hoàng Văn T tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Thanh Ba đăng ký kết hôn ngày 26/11/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã Đ, huyện T cho đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do có nhiều bất đồng về quan điểm, lối sống, tính cách không hòa hợp làm cho cuộc sống vợ chồng có nhiều xích mích, không hòa thuận và không có hạnh phúc. Vì không giải quyết được mâu thuẫn nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định mâu thuẫn

vợ chồng đã trầm trọng, không thể quay về sống chung, tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

- Về con chung: Chị và anh Hoàng Văn T có với nhau 02 con chung là: Hoàng Văn Bảo N; sinh ngày 18/7/2011 và Hoàng Hà M sinh ngày 25/9/2013, cả hai con chung đều đi học và ở với anh T tại xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Sau khi ly hôn, chị đồng ý để cho anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung và chị sẽ cấp dưỡng cho mỗi con chung là 1.000.000.đ/tháng (cả 02 con chung là 2.000.000.đ/tháng).

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị và anh Trung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn là anh Hoàng Văn T vắng mặt nhưng có lời khai thể hiện quan điểm như sau:

- Anh T trình bày về việc kết hôn, thời gian và thủ tục kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống đúng như chị Đỗ Thị Kim D đã trình bày ở trên. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng tính cách, không hòa hợp, cuộc sống chung không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2016, anh T cũng yêu cầu Tòa án cho được ly hôn với chị Đỗ Thị Kim D.

- Về con chung: Anh T xác nhận anh và chị D có với nhau 02 con chung và đều đang ở với anh đúng như chị D đã trình bày ở trên. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung và yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác không có nên không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết, bị đơn là anh Hoàng Văn T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba giải quyết vụ án về đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Kim D và anh Hoàng Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh những mâu thuẫn mà nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm lối sống, cả hai lại không có biện pháp tích cực để giải quyết mâu thuẫn, không thực sự muốn níu kéo hôn nhân làm cho mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, vợ chồng đã không còn sống chung từ nhiều năm nay, cũng không còn nghĩa vụ thương yêu, quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn bất đồng

khó có khả năng hàn gắn, nếu cứ tiếp tục ràng buộc sẽ làm cho hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu ly hôn cả hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Đỗ Thị Kim D và anh Hoàng Văn T có 02 con chung như đã trình bày ở trên và cả hai con chung đều đang do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn, chị D cũng đồng ý yêu cầu nuôi con của anh T. Xét cả hai con chung đã ở ổn định với anh T từ nhiều năm, cả hai bên đương sự đều thống nhất quan điểm anh T sẽ là người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Do vậy, việc giao cho anh T được quyền tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng các con chung sau ly hôn là phù hợp yêu cầu của đương sự, phù hợp với nguyện vọng của con chung, đảm bảo được quyền lợi hợp pháp của con thành niên và cũng hoàn toàn phù hợp các quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Anh T yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con, về phía chị D cũng đồng ý cấp dưỡng cho mỗi con chung là 1.000.000.đ/tháng, cả 02 con chung là 2.000.000.đ/tháng. Mặc dù anh T là người trực tiếp nuôi con và có yêu cầu cấp dưỡng nhưng không đưa ra mức cụ thể. Xét mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mà chị D đưa ra là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế hiện nay vì vậy được chấp nhận và buộc chị D có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi một con chung là 1.000.000.đ/tháng (cả 02 con chung là 2.000.000.đ/tháng).

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác đương sự xác nhận không có nên không giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là chị Đỗ Thị Kim D phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử:** Cho chị Đỗ Thị Kim D và anh Hoàng Văn T được ly hôn.

- Về con chung: Giao cho anh Hoàng Văn T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung là Hoàng Văn Bảo N; sinh ngày 18/7/2011 và Hoàng Hà M; sinh ngày 25/9/2013 (cả hai con chung đều đang ở với anh T tại Thôn X, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa);

Chị Đỗ Thị Kim D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn cho mỗi một con chung là 1.000.000.đ/tháng (một triệu đồng một tháng), cả 02 con chung là 2.000.000.đ/tháng (hai triệu đồng một tháng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu

từ tháng 10/2020 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi;

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về án phí: Chị Đỗ Thị Kim D phải nộp 300.000.đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000.đ tiền án phí của người có người có nghĩa vụ cấp dưỡng, tổng là 600.000.đ (sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí. Xác nhận chị Dung đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo “*Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án*” số AA/2019/0002072 ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba.

*Trình hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Đương sự có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã Đ, h T;
- Các đ-ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ, văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Tạ Hồng Tuấn**